TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị X, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 117 Tổ 6, Ấp 8, xã N, huyện L, tỉnh L, có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Hồ Diệu Hoàng A, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh L; địa chỉ tạm trú: Ki-ốt số 1, nhà trọ ông Nguyễn Văn T đường G29, Khu phố 4, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị X trình bày:

Bà X và ông A là vợ chồng, chung sống với nhau năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 17/02/2012 tại UBND xã A, huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

Sau khi kết hôn, bà X về bên gia đình ông A sinh sống. Đến năm 2016, bà X, ông A đến tỉnh Bình Dương làm việc và ở trọ nhà ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Đường G29, Khu 4, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng tháng 4/2018, bà X, ông A phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà X, ông A không cùng quan điểm trong vấn đề tiền bạc, kinh tế gia đình dẫn đến cãi vã, xô xát nên bà X bỏ về quê tại xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Long sống ly thân với ông A từ đó đến nay. Hiện nay, bà X nhận thấy không còn tình cảm với ông A, đời sống

chung không thể kéo dài, không còn khả năng hàn gắn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà X, ông A có 01 con chung là cháu Hồ Mỹ T, sinh ngày 03/01/2012. Hiện nay, cháu Trân đang sống với ông A nên bà X không tranh chấp về con chung, đồng ý để ông A tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do ông A không có yêu cầu nên bà X không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Diệu Hoàng A không đến Tòa án làm việc, hòa giải; không nộp văn bản nêu ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa,

- Bà X trình bày: Bà X giữ nguyên yêu cầu ly hôn, về con chung trước đây cháu T học lớp 1 tại xã A, huyện D, tỉnh Bạc Liêu. Hiện nay, cháu T được ông A đưa lên tỉnh Bình Dương để sống cùng ông A tại phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương và được ông A cho học lớp 2 tại tỉnh Bình Dương nhưng không biết trường nào. Do cháu T đang sinh sống với ông A nên bà X đồng ý để cháu T tiếp tục sinh sống với ông A. Về cấp dưỡng nuôi con, do ông A không có yêu cầu nên bà X không cấp dưỡng.

- Ông A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông A.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy hôn nhân của bà X, ông A mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện về ly hôn và ý kiến về nuôi con chung của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố M, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Về hôn nhân: Bà X, ông A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận. Bà X nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về vấn đề tài chính, kinh tế trong gia đình không thể hàn gắn được. Ông A không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác ý kiến của bà X. Do đó, ý kiến của bà X thuộc trường hợp những tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà X và thu thập chứng cứ, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà X, ông A là có thật, cả hai đã sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nền tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án thông báo cho ông A đến Tòa hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng ông A không đến. Chứng tỏ ông A không còn tình cảm với bà X, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà X, ông A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà X, ông A có 01 con chung là cháu Hồ Mỹ T, sinh ngày 03/01/2012. Sau khi ly hôn, bà X giao cháu Trân cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T hiện đang sống với ông A, Tòa án không tiếp cận được cháu T để biết nguyện vọng của cháu muốn sống với ai. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu, đồng thời bà X cũng không tranh chấp việc nuôi cháu T với ông A. Vì vậy, Tòa án chấp nhận ý kiến của bà X, giao cháu T cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông A không có ý kiến, yêu cầu, vì vậy ông A và bà X tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp không thỏa thuận được có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà X, ông A không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà X phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị X đối với bị đơn ông Hồ Diệu Hoàng A về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

- Về hôn nhân: Bà X được ly hôn ông A.

- Về con chung: Ông A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Mỹ Trân, sinh ngày 03/01/2012.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông A, bà X tự thỏa thuận.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà X. Bà X không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của ông A. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà X, ông A không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà X nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033772, ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình